

Bản án số 150/2021/HC-PT

Ngày 07/5/2021

Về “*Kiến quyết định giải quyết khiếu nại và
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Cường, ông Nguyễn Văn Tào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 138/2021/TLPT-HC ngày 27/01/2021 về “*Kiến quyết định giải quyết khiếu nại và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” do Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2020/HC-ST ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1097/2021/QĐ-PT ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Xuân P; địa chỉ: 41 Đường T, tổ dân phố 4, phường T1, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt có Đơn ghi ngày 23/4/2021 đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông P là ông Đỗ Anh T2; địa chỉ: số 6 Đường L, buôn Đ, xã C, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk, vắng có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 20/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk là ông Võ Văn C1 - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk có Văn bản ghi ngày 29/4/2021 đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện theo nội dung Công văn số 767/STNMT-Ttra ngày 30/3/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk là Ông Trần Văn S (Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk) vắng mặt có Văn bản ghi ngày 04/5/2021 đề nghị xét xử vắng mặt;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk, có Văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

2.3. Ủy ban nhân dân thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền ngày 21/8/2020 và ngày 20/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B1 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B1 là ông Đoàn Ngọc Th - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B1 có Văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị Thu H (vợ ông Trần Xuân P); địa chỉ: 41 Đường T, tổ dân phố 4, phường T1, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk. *Người đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 20/7/2020 của bà Hương là ông Đỗ Anh T2; địa chỉ: số 6 Đường L, buôn Đ, xã C, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 23/6/2020 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là ông Trần Xuân P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Thu H (vợ ông P) do người đại diện theo ủy quyền là ông Đỗ Anh T2 trình bày: Ngày 25/8/2003, hộ ông Trần Xuân P được UBND thành phố B1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 776299 đối với thửa đất số 51B, tờ bản đồ số 6, diện tích 3.935m² đất trồng cà phê. Năm 2018, ông P gửi Đơn kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố B1 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông P không đúng mục đích sử dụng đất và đề nghị UBND thành phố B1 hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 776299 và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình Ông cho đúng mục đích sử dụng đất. Ngày 26/9/2018, UBND thành phố B1 ban hành Công văn số 3241/UBND-TNMT thông báo không chấp nhận đề nghị của ông P. Ông P có Đơn khiếu nại thì ngày 09/01/2019, Chủ tịch UBND thành phố B1 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 242/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông P. Ông P tiếp tục gửi Đơn khiếu nại thì ngày 16/6/2020, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1340/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông P. Nay ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: (i). Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 242/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch UBND thành phố B1 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 1340/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; (ii). Buộc UBND thành phố B1 ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 776299 ngày 25/8/2003 mà UBND thành phố B1 đã cấp đối với thửa đất số 51B, tờ bản đồ số 6, thửa đất tọa lạc tại phường T1, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông P đúng mục đích sử dụng là đất ở.*

- *Người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố B1 và Chủ tịch UBND thành phố B1 là ông Đoàn Ngọc Th trình bày:*

Ngày 25/8/2003, UBND thành phố B1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 776299 cho hộ ông Trần Xuân P đối với thửa đất số 51B, tờ bản đồ số 6, diện tích 3.935m², tọa lạc tại phường T1, thành phố B1, mục đích sử dụng “Trồng cây lâu năm”. Năm 2018, ông P có Đơn kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố B1 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng mục đích sử dụng và đề nghị UBND thành phố B1 hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp để cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới với mục đích sử dụng đất là “đất

ở” nên ngày 26/9/2018, UBND thành phố B1 ban hành Công văn số 3241/UBND-TNMT giải quyết đơn của ông P. Ông P khiếu nại thì ngày 09/01/2019 Chủ tịch UBND thành phố B1 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 242/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông P. Ông P tiếp tục khiếu nại thì ngày 16/6/2020, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1340/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông P.

Về nguồn gốc thửa đất: Năm 1997, ông Trần Xuân C2 được UBND thành phố B1 giao đất sản xuất nông nghiệp tại Quyết định số 132/QĐ-UB ngày 10/3/1997 diện tích 4.000m². Ngày 16/3/2003, ông C2 ký Hợp đồng chuyển nhượng đất cho ông Trần Xuân P, được UBND phường T1 xác nhận ngày 16/6/2003. Năm 2003, ông P lập hồ sơ gồm: *Đơn đăng ký quyền sử dụng đất; Quyết định số 132/QĐ-UB, ngày 10/3/1997 của UBND thành phố B1 giao đất sản xuất nông nghiệp; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được UBND phường T1 xác nhận ngày 16/6/2003* gửi UBND phường T1 xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mục đích đất sản xuất nông nghiệp đối với thửa đất số 51B, tờ bản đồ số 6, diện tích 3.935m². UBND phường T1 căn cứ Quyết định số 132/QĐ-UB ngày 10/3/1997 của UBND thành phố B1 về việc giao đất sản xuất nông nghiệp phù hợp quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt loại đất nông nghiệp xác nhận vào hồ sơ và đề xuất UBND thành phố B1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông P. UBND thành phố B1 căn cứ nguồn gốc đất và hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND phường T1 trình cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 776299* cho hộ ông P đối với thửa đất số 51B, tờ bản đồ số 6, diện tích 3.935m², mục đích sử dụng “*Trồng cây lâu năm*” là đúng quy định của pháp luật. Do đó, việc ban hành Công văn số 3241/UBND-TNMT, ngày 26/9/2018 của UBND thành phố B1; Quyết định giải quyết khiếu nại số 242/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch UBND thành phố B1; Quyết định giải quyết khiếu nại số 1340/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân P.

- Ông Võ Văn C1 là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk trình bày:

Ngày 10/3/1997 UBND thành phố B1 ban hành Quyết định số 132/QĐ-UB giao cho “*hộ ông Trần Xuân C2*” cha đẻ của ông Trần Xuân P 4.000m² đất trồng cà phê, thời hạn sử dụng đất đến năm 2010. Năm 2003, ông Trần Xuân C2 ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 55/CN ngày 16/6/2003 được UBND phường T1 ký xác nhận cùng ngày chuyển nhượng đất cho con là Trần Xuân P. Ông Trần Xuân P kê khai và được UBND thành phố B1 cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 776299* ngày 25/8/2003 với mục đích sử dụng đất là trồng cà phê. Ngày 18/9/2003, ông P chuyển nhượng 1.200m² đất cho bà Mỹ Thị Thảo, diện tích còn lại gia đình ông P sử dụng đến nay.

Ông P có *Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất* đối với thửa đất số 51B, tờ bản đồ số 6, phường T1, diện tích 3935m² đất có Nguồn gốc sử dụng: “*Nhận chuyển nhượng*”; mục đích sử dụng: “*trồng cà phê*”, Đơn của ông P được UBND phường T1 xác nhận ngày 27/6/2003. Căn cứ nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất, loại đất kê khai, sau khi ông P thực hiện nghĩa vụ tài chính nộp thuế chuyển quyền

sử dụng đất nông nghiệp và thuê trước bạ theo Thông báo ngày 28/7/2003 của Cục Thuế tỉnh thì ngày 25/8/2003, UBND thành phố B1 ban hành Quyết định số 2232/QĐ- UB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 776299 cho “hộ ông Trần Xuân P” đối với thửa đất số 51B, diện tích 3935m², mục đích sử dụng: “trồng cà phê” là đúng pháp luật. Đối với yêu cầu của ông P yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho “hộ ông Trần Xuân P” với mục đích sử dụng: “đất ở” là không có cơ sở để xem xét vì việc xác định loại đất phải căn cứ Khoản 1 Điều 11 Luật Đất đai năm 2013 để xác định. Vì vậy, căn cứ Luật Khiếu nại; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 không chấp nhận khiếu nại của ông P là đúng quy định của pháp luật.

- *Người làm chứng là ông Trần Xuân Thắng trình bày:* Ông là người tặng cho ông Trần Xuân C2 (cha đẻ ông Thắng) hơn 3.935m² đất tại phường T1, thành phố B1. Ông C2 đã xây nhà ở ổn định từ năm 1992, đến năm 2003 ông C2 tặng cho quyền sử dụng đất cho con trai là Trần Xuân P. Đất ông Trần Xuân P hiện đang sử dụng là có nguồn gốc đã xây nhà ở ổn định trước ngày 15/10/1993.

- *Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2020/HC-ST ngày 14/12/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:*

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 159; Điều 164; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 205 và Điều 206 Luật Tổ tụng Hành chính; Căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật Đất đai năm 2013. Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; khoản 1 Điều 18; khoản 2 Điều 21; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 39 Luật khiếu nại tố cáo 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP, ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ. Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

[1] Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân P về việc yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 242/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch UBND thành phố B1; hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1340/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; buộc UBND thành phố B1 ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 776299 ngày 25/8/2003 của UBND thành phố B1 đối với thửa đất số 51B, tờ bản đồ số 6, thuộc phường T1, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk và cấp lại cho gia đình ông Trần Xuân P đúng mục đích sử dụng đất ở.

[2] Về án phí: Ông Trần Xuân P phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (bà Trần Thị Thu H nộp thay) theo Biên lai thu số AA/2019/0010341 ngày 13/7/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

- Ngày 19/12/2020, ông Trần Xuân P kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông, buộc UBND thành phố B1 cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho gia đình Ông quyền sử dụng thửa đất số 51B, tờ bản đồ số 6, phường T1, thành phố B1 với mục đích sử dụng: “*đất ở*”.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Tất cả những người tham gia tố tụng vắng mặt và có Đơn, Văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính;

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp phúc thẩm đã giải quyết đúng nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

- Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Xuân P khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 242/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch UBND thành phố B1; hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1340/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk và buộc UBND thành phố B1 ban hành Quyết định thu hồi *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số X 776299 ngày 25/8/2003 của UBND thành phố B1 đối với thửa đất số 51B, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại phường T1, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 22/8/2018 ông Trần Xuân P gửi Đơn đến Chủ tịch UBND thành phố B1 đề nghị xem xét thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 776299 ngày 25/8/2003 với lý do đất cấp không đúng mục đích sử dụng. Ngày 26/9/2018, UBND thành phố B1 ban hành Công văn số 3241/UBND-TNMT giải quyết đơn kiến nghị của ông Trần Xuân P. Ngày 29/9/2018, ông Trần Xuân P có đơn khiếu nại đề nghị hủy bỏ Công văn số 3241/UBND-TNMT của UBND thành phố B1. Ngày 09/01/2019, Chủ tịch UBND thành phố B1 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 242/QĐ-UBND. Không đồng ý kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu, ông P khiếu nại thì ngày 16/6/2020 Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1340/ QĐ-UBND. Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại lần hai, ngày 23/6/2020 ông P khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ nhất ngày 19/3/2021, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện xuất trình tài liệu (Giấy mời số 18/GM-Ttra ngày 27/3/2019 do người có tên là Phạm Duy T3 với chức vụ - Chánh Thanh tra Sở

Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk ký mời ông Trần Xuân P lên làm việc) để cho rằng khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án thì ông Phạm Duy T3 là Chánh thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận cho ông Phạm Duy T3 tham gia tố tụng với tư cách là Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Người bị kiện (Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk) là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 61 Luật tố tụng hành chính năm 2015 nên đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm lại vụ kiện. Để có cơ sở xem xét trình bày của ông Đỗ Anh T2, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã hoãn phiên tòa và ban hành Công văn số 633/CV-TACCĐN ngày 22/3/2021 yêu cầu UBND tỉnh Đắk Lắk và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cho biết: *“thời điểm Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ kiện vào ngày 14/12/2020 thì ông Phạm Duy T3 giữ chức vụ gì? hiện nay ông T3 giữ chức vụ gì? Nếu hiện nay ông Phạm Duy T3 vẫn giữ chức vụ Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk thì đề nghị Quý cơ quan căn cứ quy định tại Điều 61 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 cử Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật”*. Tại Công văn số 767/STNMT-Ttra ngày 30/3/2021 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cho biết *“Ngày 20/7/2020 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Công văn số 6281/UBND-NNMT cử ông Trần Văn S chức vụ Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk và ông Phạm Duy T3-Công chức Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk trong vụ kiện của ông Trần Xuân P. Thời điểm Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án vào ngày 14/12/2020 cho đến nay ông Phạm Duy T3 giữ chức vụ Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk...Do vậy, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp thuận cho ông Trần Văn S chức vụ Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk tham gia tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk”*. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không tuân thủ đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 61 Luật tố tụng hành chính năm 2015 khi chấp nhận ông Phạm Văn T3 (Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk) tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk, nhưng quá trình tố tụng sơ thẩm thì ngoài ông T3 còn có ông Trần Văn S (Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk) tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk, còn tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk đã cử mình ông Trần Văn S tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk nên sai sót về tố tụng đã được khắc phục.

[4] Phiên tòa phúc thẩm hôm nay mở lần thứ hai, người khởi kiện và là người kháng cáo bản án sơ thẩm vắng mặt có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn những người tham gia tố tụng khác vắng mặt và có Văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung:

[5] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định: Ngày 22/8/2018 ông Trần Xuân P có đơn kiến nghị đề nghị UBND thành phố B1 xem xét thu hồi *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số X 776299 ngày 25/8/2003 đối với thửa đất số 51B, tờ bản đồ số 6, diện tích 2.735m². Ngày 26/9/2018, UBND thành phố B1 ban hành Công văn số 3241/UBND-TNMT giải quyết đơn kiến nghị của ông P. Ngày 29/9/2018, ông Trần Xuân P có đơn khiếu nại đề nghị hủy bỏ công văn số 3241/UBND-TNMT của UBND thành phố B1. Sau khi thụ lý đơn, Chủ tịch UBND thành phố B1 tiến hành xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại là đúng quy định tại Điều 29, Điều 30 Luật Khiếu nại. Đến ngày 09/01/2019, Chủ tịch UBND thành phố B1 ban hành Quyết định số 242/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông P là vi phạm về thời hạn giải quyết khiếu nại quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại, tuy nhiên, vi phạm này không ảnh hưởng đến nội dung của quyết định giải quyết khiếu nại nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đề nghị Chủ tịch UBND thành phố B1 rút kinh nghiệm là phù hợp. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 242/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố B1, ngày 08/3/2019, ông P tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk. Sau khi thụ lý đơn, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại là đúng quy định tại Điều 38, Điều 39 Luật Khiếu nại. Đến ngày 16/6/2020, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1340/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông P là vi phạm về thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 37 Luật khiếu nại; tuy nhiên, vi phạm này không ảnh hưởng đến nội dung của quyết định giải quyết khiếu nại nên Tòa án cấp sơ thẩm đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk cần rút kinh nghiệm. Theo quy định tại khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại thì Chủ tịch UBND cấp huyện có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính của mình; Chủ tịch UBND cấp tỉnh giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. Vì vậy, Quyết định số 242/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố B1 và Quyết định số 1340/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

[6] Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Nguồn gốc đất của ông Trần Xuân P là do ông Trần Xuân C2 (cha đẻ ông P) được UBND thành phố B1 giao đất trồng cà phê theo Quyết định số 132/QĐ-UB, ngày 10/3/1997. Năm 2003, ông C2 tặng cho ông P theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 55/CN lập ngày 16/6/2003, được UBND phường T1, thành phố B1 xác nhận. Sau khi nhận chuyển nhượng từ ông C2, ông P kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 51B, tờ bản đồ số 6, phường T1, diện tích 3935m², mục đích sử dụng: “*đất trồng cà phê*”, tại phần kê khai tài sản trên đất như công trình nhà thì ông P không kê khai. Trên cơ sở đó ông P nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp và thuế trước bạ theo quy định pháp luật và được UBND thành phố B1 cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số X 776299 ngày 25/8/2003, mục đích sử dụng: “*đất trồng cà phê*”. Ngày 18/9/2003, ông P chuyển nhượng 1.200m² cho bà Mỹ Thị Thảo, diện tích còn lại gia đình ông P sử dụng đến nay.

[7] Xét, nguồn gốc thửa đất số 51B, tờ bản đồ số 6, phường T1, diện tích 3.935m² là “*đất trồng cà phê*”. Khi nhận chuyển nhượng thì ông P cũng kê khai đăng ký trong Đơn đăng ký quyền sử dụng đất có xác nhận của Ủy ban nhân dân

phường T1 vào ngày 27/6/ 2003 là: “*đất trồng cà phê*”. Từ đó ông P thực hiện nghĩa vụ tài chính trên cơ sở nghĩa vụ tài chính đối với đất nông nghiệp. Vì vậy, ông P việc cho rằng UBND thành phố B1 cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số X 776299 ngày 25/8/2003 đối với thửa đất 51B, tờ bản đồ số 6 có mục đích sử dụng: “*đất trồng cà phê*” cho ông P không đúng mục đích sử dụng, là không có căn cứ.

[8] Vì những lý do trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân P (yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 242/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch UBND thành phố B1, hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1340/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk và buộc UBND thành phố B1 ban hành Quyết định thu hồi *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số X 776299 ngày 25/8/2003 của UBND thành phố B1 đối với thửa đất số 51B, tờ bản đồ số 6, thuộc phường T1, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk và cấp lại cho gia đình ông Trần Xuân P đúng mục đích sử dụng: “*đất ở*”) là có căn cứ, đúng pháp luật nên cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông P, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông P kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 349 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015 bác kháng cáo của ông Trần Xuân P, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2020/HC-ST ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 159; Điều 164; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 205 và Điều 206 Luật Tổ tụng Hành chính; Căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật Đất đai năm 2013. Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; khoản 1 Điều 18; khoản 2 Điều 21; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 39 Luật khiếu nại tố cáo 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCT, ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ. Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

[1] Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân P yêu cầu: Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 242/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch UBND thành phố B1; hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1340/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; buộc UBND thành phố B1 ban hành Quyết định thu hồi *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số X 776299 ngày 25/8/2003 của UBND thành phố B1 đối với thửa đất số 51B, tờ bản đồ số 6,

thuộc phường T1, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk và cấp lại cho gia đình ông Trần Xuân P đúng mục đích sử dụng đất ở.

[2] Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trần Xuân P phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí (do bà Trần Thị Thu H nộp thay) theo Biên lai thu số AA/2019/0010341 ngày 13/7/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk thì ông P đã thi hành xong khoản tiền này.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Xuân P phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp (bà Trần Thị Thu H nộp thay) theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0017443 ngày 24/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk thì ông P đã thi hành xong khoản tiền này.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân